

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/HS-ST
Ngày: 20- 6 -2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh S

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Tuấn K

Ông Trần Văn U

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Vũ L, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng P - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2024/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2024 Và Quyết định hoãn phiên tòa số:13/2024/HSST-QĐ ngày 24/5/2024 đối với bị cáo:

Lâm Văn C, sinh ngày 29/8/1981, tại tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú: số 349/7, khóm 7, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Khmer; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Lâm Văn M (đã chết) và bà Sơn Thị C, sinh năm 1951; Vợ bị cáo tên: Nguyễn Thị L, sinh năm 1977; con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án: không; tiền sự: 02 lần. Lần thứ nhất: Ngày 21/01/2003, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh đưa vào cơ sở giáo dục Bền Giá 24 tháng về hành vi gây rối trật tự công cộng. Lần thứ nhất: Ngày 13/12/2005, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh đưa vào cơ sở giáo dục Bền Giá 24 tháng về hành vi gây rối trật tự công cộng. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/12/2023 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Nguyễn Thị Ánh Đ, sinh năm 1972 (vắng mặt) (có đơn xin xét xử vắng mặt). Nơi cư trú: Số 98, khóm 2, phường Q, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

2/ Giang Bảo Th, sinh năm 1978 (vắng mặt) (có đơn xin xét xử vắng mặt) .

Nơi cư trú: Số 162, khóm 2, phường Q, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

3/ Lê Thúy Thùy L, sinh năm 1988 (vắng mặt) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: khóm 4, phường A, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

4/ Phạm Văn Tuấn, sinh năm 1990 (vắng mặt) (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: 46/Ô đ, Khu vực Bình Phó A, phường Long T, quận Bình Th, thành phố Cần T.

Chỗ ở hiện nay: khóm 7, phường Z, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

5/ Nguyễn Yến L, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Nơi cư trú: khóm 7, phường Z, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

6/ Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp Ngã T, xã Ngãi H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lâm Văn C không có nghề nghiệp ổn định, để có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo sử dụng tiền của mình cho người khác vay với lãi suất cao hơn so với mức lãi suất theo quy định của nhà nước từ 5,3 lần đến 68,4 lần, tương đương mức lãi suất 107,353%/năm đến 1.368,75%/năm với hình thức cho vay tiền trả góp hàng ngày, cụ thể như sau:

1. Cho bà Giang Bảo Th, sinh ngày 04/9/1978, nơi thường trú: số 162, khóm 2, phường Q, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh vay 16 lần mỗi lần 10.000.000 đồng, mỗi ngày góp 500.000 đồng, góp liên tục trong 22 ngày. Bị cáo đã thu lãi suất 1.000.000đồng/22 ngày/10.000.000 đồng, tương đương 45.454,54 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,455%/ngày hay 165.909%/năm gấp 8,3 lần mức lãi suất nhà nước quy định như sau:

Lần 1: Vào ngày 12/01/2023, bị cáo cho bà Giang Bảo Th vay số tiền 10.000.000 đồng, bà Th góp đến ngày 30/01/2023, góp được 19 ngày thì ngưng đóng, bà Th còn thiếu bị cáo 03 ngày. Bị cáo thu lãi được 19 ngày là: 45.454,54 đồng/ngày x 19 ngày = 863.636 đồng.

Với lãi suất nhà nước quy định là 20%/năm, tiền lãi ngày nhà nước cho phép = $(20\%:365 \text{ ngày}) \times 10.000.000 \text{ đồng} = 5.479,45 \text{ đồng/ngày}$. Tổng số 19 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là $5.479,45 \text{ đồng/ngày} \times 19 \text{ ngày} = 104.110 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 1: 863.636 đồng – 104.110 đồng = 759.526 đồng.

Lần 2: Vào ngày 31/01/2023, bị cáo cho bà Th vay 10.000.000 đồng, góp đến ngày 13/02/2023, góp được 14 ngày thì ngưng đóng, bà Th còn thiếu bị cáo 08 ngày. Bị cáo đã thu lãi được trong 14 ngày là: 45.454,54 đồng/ngày x 14 ngày = 636.364 đồng.

Với lãi suất nhà nước quy định là 5.479,45 đồng/ngày x 14 ngày = 76.712 đồng.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 2: 636.364 đồng – 76.712 đồng = 559.652 đồng.

Lần 3: Vào ngày 14/02/2023, bị cáo cho bà Th vay 10.000.000 đồng, bà Th góp đến ngày 25/02/2023 góp được 12 ngày thì ngưng đóng, bà Th còn thiếu bị

cáo 10 ngày. Bị cáo đã thu lãi được trong 12 ngày là: $45.454,54 \text{ đồng/ngày} \times 12 \text{ ngày} = 545.455 \text{ đồng}$.

Với lãi suất nhà nước quy định là $5.479,45 \text{ đồng/ngày} \times 12 \text{ ngày} = 65.753 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 3: $545.455 \text{ đồng} - 65.753 \text{ đồng} = 479.702 \text{ đồng}$.

Lần 4: Vào ngày 15/02/2023, bị cáo cho bà Th vay 10.000.000 đồng, bà Th góp đến ngày 05/03/2023 góp được 19 ngày thì ngưng đóng, bà Th còn thiếu bị cáo 03 ngày. Bị cáo đã thu lãi được trong 19 ngày là: $45.454,54 \text{ đồng/ngày} \times 19 \text{ ngày} = 863.636 \text{ đồng}$.

Với lãi suất nhà nước quy định là $5.479,45 \text{ đồng/ngày} \times 19 \text{ ngày} = 104.110 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 4: $863.636 \text{ đồng} - 104.110 \text{ đồng} = 759.526 \text{ đồng}$.

Lần 5: Vào ngày 18/02/2023, bị cáo cho bà Th vay 10.000.000 đồng, bà Th góp đến ngày 05/03/2023 góp được 16 ngày thì ngưng đóng, và Th còn thiếu bị cáo 06 ngày. Bị cáo đã thu lãi được trong 16 ngày là: $45.454,54 \text{ đồng/ngày} \times 16 \text{ ngày} = 727.273 \text{ đồng}$.

Với lãi suất nhà nước quy là $5.479,45 \text{ đồng/ngày} \times 16 \text{ ngày} = 87.671 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 5: $727.273 \text{ đồng} - 87.671 \text{ đồng} = 639.602 \text{ đồng}$.

Lần 6: Cũng trong ngày 18/02/2023, bị cáo cho bà Thy vay 10.000.000 đồng, bà Th góp đến ngày 05/03/2023 góp được 16 ngày thì ngưng đóng, bà Th còn thiếu bị cáo 06 ngày. Bị cáo đã thu lãi được trong 16 ngày là: $45.454,54 \text{ đồng/ngày} \times 16 \text{ ngày} = 727.273 \text{ đồng}$.

Với lãi suất nhà nước quy là $5.479,45 \text{ đồng/ngày} \times 16 \text{ ngày} = 87.671 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 6: $727.273 \text{ đồng} - 87.671 \text{ đồng} = 639.602 \text{ đồng}$.

Lần 7: Vào ngày 26/02/2023, bị cáo cho bà Th vay 10.000.000 đồng, bà Th góp đến ngày 11/3/2023 góp được 14 ngày thì ngưng đóng, bà Th còn thiếu bị cáo 08 ngày. Bị cáo đã thu lãi được trong 14 ngày là: $45.454,54 \text{ đồng/ngày} \times 14 \text{ ngày} = 636.364 \text{ đồng}$.

Với lãi suất nhà nước quy định là $5.479,45 \text{ đồng/ngày} \times 14 \text{ ngày} = 76.712 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 7: $636.364 \text{ đồng} - 76.712 \text{ đồng} = 559.652 \text{ đồng}$.

Lần 8: Vào ngày 28/02/2023, bị cáo cho bà Th vay 10.000.000 đồng, bà Th góp đến ngày 11/3/2023, góp được 12 ngày thì ngưng đóng, bà Th còn thiếu bị cáo 10 ngày. Bị cáo đã thu lãi được trong 12 ngày là: $45.454,54 \text{ đồng/ngày} \times 12 \text{ ngày} = 545.455 \text{ đồng}$.

Với lãi suất nhà nước là $5.479,45 \text{ đồng/ngày} \times 12 \text{ ngày} = 65.753 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính thứ 8: $545.455 \text{ đồng} - 65.753 \text{ đồng} = 479.702 \text{ đồng}$.

Lần 9: Vào ngày 06/4/2023, bị cáo cho bà Th vay 10.000.000 đồng, bà Th góp đến ngày 26/4/2023 dương lịch, góp được 21 ngày thì ngưng đóng, bà Th còn

thiếu bị cáo 01 ngày. Bị cáo đã thu lãi được trong 21 ngày là: 45.454,54 đồng/ngày x 21 ngày = 954.545 đồng.

Với lãi suất nhà nước quy là 5.479,45 đồng/ngày x 21 ngày = 115.068 đồng.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 9: 954.545 đồng – 115.068 đồng = 839.477 đồng.

Lần 10: Vào ngày 11/4/2023, bị cáo cho bà Th vay 10.000.000 đồng, bà Th góp đến ngày 28/4/2023, góp được 18 ngày thì ngưng đóng, bà Th còn thiếu bị cáo 04 ngày. Bị cáo đã thu lãi được trong 18 ngày là: 45.454,54 đồng/ngày x 18 ngày = 818.182 đồng.

Với lãi suất nhà nước quy định là 5.479,45 đồng/ngày x 18 ngày = 115.068 đồng.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 10: 954.545 đồng – 115.068 đồng = 839.477 đồng.

Lần 11: Vào ngày 11/4/2023, bị cáo cho bà Th vay 10.000.000 đồng, bà Th góp đến ngày 20/4/2023 dương lịch, góp được 10 ngày thì ngưng đóng, bà Th còn thiếu bị cáo 12 ngày. Bị cáo đã thu lãi được trong 10 ngày là: 45.454,54 đồng/ngày x 10 ngày = 454.545 đồng.

Với lãi suất nhà nước quy định là 5.479,45 đồng/ngày x 10 ngày = 54.795 đồng.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 11: 454.545 đồng – 54.795 đồng = 399.750 đồng.

Lần 12: Vào ngày 21/4/2023, bị cáo cho bà Th vay 10.000.000 đồng, bà Th góp đến ngày 01/5/2023 dương lịch, góp được 11 ngày thì ngưng đóng, bà Th còn thiếu bị cáo 11 ngày. Bị cáo đã thu lãi được trong 11 ngày là: 45.454,54 đồng/ngày x 11 ngày = 500.000 đồng.

Với lãi suất nhà nước quy định là 5.479,45 đồng/ngày x 11 ngày = 60.274 đồng.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 12: 500.000 đồng – 60.274 đồng = 439.726 đồng.

Lần 13: Vào ngày 21/4/2023, bị cáo cho bà Th vay 10.000.000 đồng, bà Th góp đến ngày 07/5/2023, góp được 17 ngày thì ngưng đóng, bà Th còn thiếu bị cáo 05 ngày. Bị cáo đã thu lãi được trong 17 ngày là: 45.454,54 đồng/ngày x 17 ngày = 772.727 đồng.

Với lãi suất nhà nước quy định là 5.479,45 đồng/ngày x 17 ngày = 93.151 đồng.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 13: 772.727 đồng – 93.151 đồng = 679.576 đồng.

Lần 14: Vào ngày 30/4/2023, bị cáo cho bà Th vay 10.000.000 đồng, bà Th góp đến ngày 16/5/2023, góp được 17 ngày thì ngưng đóng, bà Th còn thiếu bị cáo 05 ngày. Bị cáo đã thu lãi được trong 17 ngày là: 45.454,54 đồng/ngày x 17 ngày = 772.727 đồng.

Với lãi suất nhà nước quy định là 5.479,45 đồng/ngày x 17 ngày = 93.151 đồng.

Tiền thu lợi bất chính thứ 14: 772.727 đồng – 93.151 đồng = 679.576 đồng.

Lần 15: Vào ngày 08/5/2023, bị cáo cho bà Th vay 10.000.000 đồng, bà Th góp đến ngày 29/5/2023, góp được 22 ngày (góp đủ). Bị cáo đã thu với mức lãi là 1.000.000 đồng.

Với lãi suất nhà nước quy định là 5.479,45 đồng/ngày x 22 ngày = 120.547 đồng.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 15: 1.000.000 đồng – 120.547 đồng = 879.453 đồng.

Lần 16: Vào ngày 17/5/2023, bị cáo cho bà Th vay 10.000.000 đồng, bà Th góp đến ngày 02/6/2023, góp được 17 ngày thì ngưng đóng, bà Th còn thiếu bị cáo 05 ngày. Bị cáo đã thu lãi được trong 17 ngày là: 45.454,54 đồng/ngày x 17 ngày = 772.727 đồng.

Với lãi suất nhà nước quy định là 5.479,45 đồng/ngày x 17 ngày = 93.151 đồng.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 16: 772.727 đồng – 93.151 đồng = 679.576 đồng.

Như vậy, trong 16 lần cho bà Giang Bảo Th vay tiền, bị cáo đã thu lợi bất chính là 10.193.649 đồng (Mười triệu một trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng).

Hiện tại, bà Th còn nợ bị cáo tổng cộng 97 ngày tương đương số tiền 48.500.000 đồng. Tuy nhiên do bị cáo thấy hoàn cảnh bà Th khó khăn nên bị cáo thỏa thuận với bà Th chỉ lấy 27.000.000 đồng không lấy lãi. Bà Th đã trả cho bị cáo được 1.000.000 đồng còn nợ bị cáo 26.000.000 đồng.

Về số tiền mà bị cáo dùng để cho bà Th vay tổng cộng 16 lần riêng biệt nêu trên là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng).

2. Cho bà Lê Thúy Thùy L, sinh ngày 07/11/1988, nơi thường trú: khóm 4, phường A, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh vay tiền nhiều lần với số tiền cho vay như sau:

Đối với số tiền vay 60.000.000 đồng, góp trong 22 đến 23 ngày (nếu bà L góp đầy đủ thì bị cáo chỉ tính chu kỳ góp là 22 ngày, nếu bà L góp không đầy đủ thì bị cáo tính 23 ngày), mỗi ngày góp 3.000.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất là 750.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 1,250%/ngày hay 456,250%/năm cao gấp 22,8 lần mức lãi suất nhà nước quy định như sau:

Lần thứ 1: Vào ngày 26/3/2023, bị cáo cho bà L vay 60.000.000 đồng, bà L góp đến ngày 02/4/2023, góp được 08 ngày, bà L xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 750.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 1,250%/ngày hay 456,250%/năm cao gấp 22,8 lần mức lãi suất nhà nước quy định.

Với lãi suất nhà nước quy định là 20%/năm, tiền lãi ngày nhà nước cho phép = (20%:365 ngày) x 60.000.000 đồng = 32.876,71 đồng/ngày. Tổng số 08 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là 32.876,71 đồng/ngày x 8 ngày = 263.014 đồng.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 1: 6.000.000 đồng – 263.014 đồng = 5.736.986 đồng.

Lần thứ 2: Vào ngày 03/4/2023, với số tiền vay 60.000.000 đồng, bà L góp đến ngày 09/4/2023, góp được 07 ngày, bà L xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là

6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 857.142,86 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 1,429%/ngày hay 521,429 %/năm cao gấp 26 lần mức lãi suất nhà nước quy định.

Với lãi suất nhà nước quy định 32.876,71 đồng ngày. Tổng số 07 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là 32.876,71 đồng/ngày x 7 ngày = 230.137 đồng.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 2: 6.000.000 đồng – 230.137 đồng = 5.769.863 đồng.

Lần 3: Vào ngày 10/4/2023, với số tiền vay 60.000.000 đồng, bà L góp đến ngày 17/4/2023, góp được 08 ngày, bà L xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Với lãi suất nhà nước quy định là 32.876,71 đồng/ngày. Tổng số 08 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là 32.876,71 đồng/ngày x 8 ngày = 263.014 đồng.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 3: 6.000.000 đồng – 263.014 đồng = 5.736.986 đồng.

Lần 4: Vào ngày 19/4/2023, với số tiền vay 60.000.000 đồng, bà L góp đến ngày 25/4/2023, góp được 07 ngày, bà L ngưng đóng, bà L còn nợ bị cáo 16 ngày góp với số tiền là 48.000.000 đồng (do bà L ngưng đóng nên bị cáo tính chu kỳ 23 ngày). Bị cáo đã thu với mức lãi suất là 6.000.000 đồng/22 ngày = 272.727,27 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,455%/ngày hay 165,909 %/năm.

Tiền thu lãi được trong 07 ngày là: 272.727,27 đồng/ngày x 7 ngày = 1.909.090 đồng

Với lãi suất nhà nước quy định là 32.876,71 đồng/ngày. Tổng số 07 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là 32.876,71 đồng/ngày x 7 ngày = 230.137 đồng.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 4: 1.909.090 đồng – 230.137 đồng = 1.678.953 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc cho bà Li vay ở khoảng vay 60.000.000 đồng là: 18.922.789 đồng (Mười tám triệu chín trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm tám mươi chín đồng).

Đối với số tiền vay 30.000.000 đồng, góp trong 22 đến 23 ngày, mỗi ngày góp 1.500.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 29/3/2023, bị cáo cho bà L vay 30.000.000 đồng, bà L góp đến ngày 05/4/2023, góp được 08 ngày, bà L xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 375.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 1,250%/ngày hay 456,250 %/năm, cao gấp 22,8 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 20%/năm, tiền lãi ngày nhà nước cho phép = (20%:365 ngày) x 30.000.000 đồng = 16.438,35 đồng/ngày. Tổng số 08 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là 16.438,35 đồng/ngày x 8 ngày = 131.507 đồng.

Tiền thu lợi bất chính thứ 1: 3.000.000 đồng – 131.507 đồng = 2.868.493 đồng.

Lần 2: Vào ngày 07/4/2023, với số tiền vay 30.000.000 đồng, bà L góp đến ngày 15/4/2023, góp được 09 ngày, bà L xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất

là 333.333,33 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 1,111%/ngày hay 456,556 %/năm, cao gấp 22,8 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 16.438,35 đồng/ ngày. Tổng số 08 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là 16.438,35 đồng/ ngày x 9 ngày = 147.945 đồng.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 2: 3.000.000 đồng – 147.945 đồng = 2.852.055 đồng.

Lần 3: Vào ngày 16/4/2023, với số tiền vay 30.000.000 đồng, bà L góp đến ngày 25/4/2023, góp được 10 ngày, bà L ngưng đóng. Do bà L ngưng đóng, nhưng lần này bị cáo chỉ tính chu kỳ 22 ngày, như vậy bà L còn nợ bị cáo 12 ngày góp với số tiền là 18.000.000 đồng. Bị cáo đã thu với mức lãi suất là 3.000.000 đồng/22 ngày = 136.363,63 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,455%/ngày hay 165,909 %/năm, cao gấp 8,3 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Tiền thu lãi được trong 10 ngày là: 136.363,63 đồng/ngày x 10 ngày = 1.363.636 đồng.

Với lãi suất nhà nước quy định là 16.438,35 đồng/ngày. Tổng số 10 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là 16.438,35 đồng/ngày x 10 ngày = 164.384 đồng.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 3: 1.363.636 đồng – 164.384 đồng = 1.199.253 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc cho bà L vay ở khoảng vay 30.000.000 đồng này là: 6.919.801 đồng (Sáu triệu chín trăm mười chín nghìn tám trăm lẻ một đồng).

Đối với số tiền 10.000.000 đồng, góp trong 22 đến 23 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 02/4/2023, bị cáo cho bà L vay 10.000.000 đồng, bà L góp đến ngày 11/4/2023, góp được 10 ngày, bà L xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 100.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 1%/ngày hay 365 %/năm cao gấp 18,3 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 20%/năm, tiền lãi ngày nhà nước cho phép = (20%:365 ngày) x 10.000.000 đồng = 5.479,45 đồng/ngày. Tổng số 10 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là 5.479,45 đồng/ngày x 10 ngày = 54.795 đồng.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 1: 1.000.000 đồng – 54.795 đồng = 945.205 đồng

Lần 2: Vào ngày 13/4/2023, với số tiền vay 30.000.000 đồng, bà Liên góp đến ngày 21/4/2023, góp được 09 ngày, bà Liên xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 111.111,11 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 1,111%/ngày hay 456,556 %/năm, cao gấp 22,8 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 5.479,45 đồng/ngày. Tổng số 08 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là 5.479,45 đồng/ngày x 9 ngày = 49.315 đồng.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ hai: 1.000.000 đồng – 49.315 đồng = 950.685 đồng.

Lần 3: Vào ngày 22/4/2023, với số tiền vay 10.000.000 đồng, bà L góp đến ngày 24/4/2023, góp được 03 ngày, bà L ngưng đóng. Do bà L ngưng nhưng bị cáo

chỉ tính chu kỳ 22 ngày, do đó bà L còn nợ bị cáo 19 ngày góp với số tiền là 9.500.000 đồng. Bị cáo đã thu với mức lãi suất là 1.000.000 đồng/22 ngày = 45.454,54 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,455%/ngày hay 165,909 %/năm, cao gấp 8,3 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Tiền thu lãi được trong 03 ngày là: 45.454,54 đồng/ngày x 3 ngày = 136.364 đồng.

Với lãi suất nhà nước quy định là 479,45 đồng/ngày. Tổng số 03 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là 5.479,45 đồng/ ngày x 3 ngày = 16.439 đồng.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 2: 136.364 đồng – 16.438 đồng = 119.926 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc cho bà L vay ở khoảng vay 10.000.000 đồng này là: 2.015.816 đồng (Hai triệu không trăm mười lăm nghìn tám trăm mười sáu đồng).

Tổng số tiền mà bị cáo đã thu lợi bất chính từ 03 khoảng vay của bà Lê Thúy Thùy L là 27.858.405 đồng (Hai mươi bảy triệu tám trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm lẻ năm đồng).

Ngoài ra, bà L còn nợ bị cáo các ngày chưa góp tương đương với số tiền là 75.500.000 đồng. Đến tháng 11/2023 thì giữa bà L và bị cáo thỏa thuận số tiền lãi phát sinh từ tháng 4/2023 đến tháng 11/2023 là 25.000.000 đồng, Tổng cộng bà L thiếu bị cáo 100.000.000 đồng. Sau đó, bà L mượn thêm của bị cáo số tiền là 20.000.000 đồng, nên tổng số tiền mà bà L còn nợ bị cáo là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Về số tiền mà bị cáo dùng để cho bà L vay, bị cáo chỉ sử dụng số tiền vốn ban đầu cho 03 khoảng vay trên là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

3. Cho ông Phạm Văn T, sinh ngày 01/11/1990, nơi thường trú: 46/Ô đ, khu vực Bình Phó A, phường Long T, quận Bình T, TP Cần T, chỗ ở hiện tại: khóm 7, phường Z, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày 500.000 đồng, góp trong 21 ngày, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 28/3/2023, bị cáo cho ông T vay 10.000.000 đồng, ông T góp đến ngày 07/4/2023, góp được 11 ngày, ông T xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Bị cáo đã thu với mức lãi suất là 45.454,54 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,455%/ngày hay 165,909% /năm, cao gấp 8,3 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 20%/năm, tiền lãi ngày nhà nước cho phép = (20%:365 ngày) x 10.000.000 đồng = 5.479,45 đồng/ngày. Tổng số 11 ngày thì tiền lãi theo nhà nước cho phép là 5.479,45 đồng/ngày x 11 ngày = 60.274 đồng.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 1: 500.000 đồng – 60.274 đồng = 439.726 đồng.

Lần 2: Vào ngày 09/4/2023, với số tiền vay 10.000.000 đồng, ông T góp đến ngày 23/4/2023, góp được 15 ngày, ông T xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Bị cáo đã thu với mức lãi suất là 33.333,33

đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,333%/ngày hay 121,667% /năm, cao gấp 6,1 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 5.479,45 đồng/ngày. Tổng số 15 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là 5.479,45 đồng/ngày x 15 ngày = 82.192 đồng.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ hai: 500.000 đồng – 82.192 đồng = 417.808 đồng

Lần 3: Vào ngày 24/4/2023, với số tiền vay 10.000.000 đồng, ông T góp đến ngày 04/5/2023, góp được 11 ngày, ông T xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Bị cáo đã thu với mức lãi suất là 45.454,54 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,455%/ngày hay 165,909% /năm, cao gấp 8,3 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 5.479,45 đồng/ngày. Tổng số 11 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là 5.479,45 đồng/ngày x 11 ngày = 60.274 đồng.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 3: 500.000 đồng – 60.274 đồng = 439.726 đồng

Lần 4: Vào ngày 07/5/2023, với số tiền vay 10.000.000 đồng, ông T góp đến ngày 21/5/2023, góp được 15 ngày, ông T xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Bị cáo đã thu với mức lãi suất là 33.333,33 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,333%/ngày hay 121,667% /năm, cao gấp 6,1 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 5.479,45 đồng/ngày. Tổng số 15 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là 5.479,45 đồng/ngày x 15 ngày = 82.192 đồng.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 4: 500.000 đồng – 82.192 đồng = 417.808 đồng.

Lần 5: Vào ngày 22/5/2023, với số tiền vay 10.000.000 đồng, ông T góp đến ngày 06/6/2023, góp được 16 ngày, ông T xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Bị cáo đã thu với mức lãi suất là 31.250 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,313%/ngày hay 114,063%/năm, cao gấp 5,7 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 5.479,45 đồng/ngày. Tổng số 16 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là 5.479,45 đồng/ngày x 16 ngày = 87.671 đồng.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 5: 500.000 đồng – 87.671 đồng = 412.329 đồng.

Lần 6: Vào ngày 07/6/2023, với số tiền vay 10.000.000 đồng, ông T góp đến ngày 19/6/2023, góp được 13 ngày, ông T xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Bị cáo đã thu với mức lãi suất là 38.461,54 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,385%/ngày hay 140,385% /năm, cao gấp 7,1 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 5.479,45 đồng/ngày. Tổng số 13 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là 5.479,45 đồng/ngày x 13 ngày = 71.233 đồng.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 6: 500.000 đồng – 71.233 đồng = 428.767 đồng.

Lần 7: Vào ngày 20/6/2023, với số tiền vay 10.000.000 đồng, ông T góp đến ngày 06/7/2023, góp được 17 ngày, ông T xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là

500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Bị cáo đã thu với mức lãi suất là 29.411,76 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,294%/ngày hay 107,353%/năm, cao gấp 5,3 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 5.479,45 đồng/ngày. Tổng số 17 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là 5.479,45 đồng/ngày x 17 ngày = 93.151 đồng.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 7: 500.000 đồng – 93.151 đồng = 406.849 đồng.

Tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ khoảng vay 10.000.000 đồng này đối với ông T là 2.963.013 đồng (Hai triệu chín trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười ba đồng).

Cũng với với số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày 500.000 đồng, góp trong 21 ngày, ông T còn vay của bị cáo cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 15/5/2023, với số tiền vay 10.000.000 đồng, ông T góp đến ngày 26/5/2023, góp được 12 ngày, ông T xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 41.666,67 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,417 %/ngày hay 152,083% /năm, cao gấp 7,6 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 20%/năm, tiền lãi ngày nhà nước cho phép = (20%:365 ngày) x 10.000.000 đồng = 5.479,45 đồng/ngày. Tổng số 12 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là 5.479,45 đồng/ngày x 12 ngày = 65.753 đồng.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 1: 500.000 đồng – 65.753 đồng = 434.247 đồng.

Lần 2: Vào ngày 02/9/52023, với số tiền vay 10.000.000 đồng, ông T góp đến ngày 10/6/2023, góp được 13 ngày, ông T xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 38.461,54 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,385%/ngày hay 140,385 %/năm, cao gấp 7,1 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 5.479,45 đồng/ngày. Tổng số 13 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là 5.479,45 đồng/ngày x 13 ngày = 71.233 đồng.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 2: 500.000 đồng – 71.233 đồng = 428.767 đồng.

Lần 3: Vào ngày 11/6/2023, với số tiền vay 10.000.000 đồng, ông T góp đến ngày 24/6/2023, góp được 14 ngày, ông T xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 35.714,29 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,357 %/ngày hay 130,357 % /năm, cao gấp 6,5 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 5.479,45 đồng/ngày. Tổng số 14 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là 5.479,45 đồng/ngày x 14 ngày = 76.712 đồng.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 3: 500.000 đồng – 76.712 đồng = 423.288 đồng.

Lần 4: Vào ngày 25/6/2023, với số tiền vay 10.000.000 đồng, ông T góp đến ngày 10/7/2023, góp được 16 ngày, ông T xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 31.250 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,313%/ngày hay 114,063%/năm, cao gấp 5,7 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 5.479,45 đồng/ngày. Tổng số 16 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là $5.479,45 \text{ đồng/ngày} \times 16 \text{ ngày} = 87.671 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 4: $500.000 \text{ đồng} - 87.671 \text{ đồng} = 412.329 \text{ đồng}$.

Lần 5: Vào ngày 11/7/2023, với số tiền vay 10.000.000 đồng, ông T góp đến ngày 25/7/2023, góp được 15 ngày, ông T xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 33.333,33 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,333%/ngày hay 121,667%/năm, cao gấp 6,1 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 5.479,45 đồng/ngày. Tổng số 15 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là $5.479,45 \text{ đồng/ngày} \times 15 \text{ ngày} = 82.192 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính: $500.000 \text{ đồng} - 82.192 \text{ đồng} = 417.808 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền bị can thu lợi bất chính từ khoảng vay 10.000.000 đồng này đối với ông T là 2.116.438 đồng (hai triệu một trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng).

Sau đó, ông T xin bị cáo gộp 02 khoảng vay trên thành một khoảng vay với số tiền 20.000.000 đồng, góp mỗi ngày 1.000.000 đồng, góp trong 21 ngày, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 26/7/2023, với số tiền vay 20.000.000 đồng, ông T góp đến ngày 25/7/2023, góp được 14 ngày, ông T xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 71.428,57 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,357 %/ngày hay 130,357% /năm, cao gấp 6,5 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 20%/năm, tiền lãi ngày nhà nước cho phép = $(20\%:365 \text{ ngày}) \times 20.000.000 \text{ đồng} = 10.958,90 \text{ đồng/ngày}$. Tổng số 14 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là $10.958,90 \text{ đồng/ngày} \times 14 \text{ ngày} = 153.425 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 1: $1.000.000 \text{ đồng} - 153.425 \text{ đồng} = 846.575 \text{ đồng}$.

Lần 2: Vào ngày 09/8/2023, với số tiền vay 20.000.000 đồng, ông T góp đến ngày 21/8/2023, góp được 13 ngày, ông T xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 76.923,07 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,385 %/ngày hay 140,385% /năm, cao gấp 7,1 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 10.958,90 đồng/ngày. Tổng số 13 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là $10.958,90 \text{ đồng/ngày} \times 13 \text{ ngày} = 142.466 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 2: $1.000.000 \text{ đồng} - 142.466 \text{ đồng} = 857.534 \text{ đồng}$.

Lần 3: Vào ngày 22/8/2023, với số tiền vay 20.000.000 đồng, ông T góp đến ngày 29/8/2023, góp được 8 ngày, ông T xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 125.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,625%/ngày hay 228,125%/năm, cao gấp 11,4 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 10.958,90 đồng/ngày. Tổng số 08 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là $10.958,90 \text{ đồng/ngày} \times 8 \text{ ngày} = 87.671 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 3: $1.000.000 \text{ đồng} - 87.671 \text{ đồng} = 912.329 \text{ đồng}$.

Lần 4: Vào ngày 30/8/2023, với số tiền vay 20.000.000 đồng, ông T góp đến ngày 11/9/2023, góp được 13 ngày, ông T xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 76.923,07 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,385 %/ngày hay 140,385% /năm, cao gấp 7,1 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 10.958,90 đồng/ngày. Tổng số 13 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là $10.958,90 \text{ đồng/ngày} \times 13 \text{ ngày} = 142.466 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 4: $1.000.000 \text{ đồng} - 142.466 \text{ đồng} = 857.534 \text{ đồng}$.

Lần 5: Vào ngày 12/9/2023, với số tiền vay 20.000.000 đồng, ông T góp đến ngày 22/9/2023 dương lịch, góp được 11 ngày, ông T xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 90.909,09 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,455 %/ngày hay 165,909% /năm, cao gấp 8,3 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 10.958,90 đồng/ngày. Tổng số 11 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là $10.958,90 \text{ đồng/ngày} \times 11 \text{ ngày} = 120.548 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 5: $1.000.000 \text{ đồng} - 120.548 \text{ đồng} = 879.452 \text{ đồng}$.

Lần 6: Vào ngày 23/9/2023, với số tiền vay 20.000.000 đồng, ông T góp đến ngày 03/10/2023, góp được 11 ngày, ông T xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 90.909,09 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,455 %/ngày hay 165,909% /năm, cao gấp 8,3 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 10.958,90 đồng/ngày. Tổng số 11 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là $10.958,90 \text{ đồng/ngày} \times 11 \text{ ngày} = 120.548 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 6: $1.000.000 \text{ đồng} - 120.548 \text{ đồng} = 879.452 \text{ đồng}$.

Lần 7: Vào ngày 04/10/2023, với số tiền vay 20.000.000 đồng, ông T góp đến ngày 16/10/2023, góp được 13 ngày, ông T xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 76.923,07 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,385 %/ngày hay 140,385% /năm, cao gấp 7,1 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 10.958,90 đồng/ngày. Tổng số 13 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là $10.958,90 \text{ đồng/ngày} \times 13 \text{ ngày} = 142.466 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 7: $1.000.000 \text{ đồng} - 142.466 \text{ đồng} = 857.534 \text{ đồng}$.

Lần 8: Vào ngày 17/10/2023, với số tiền vay 20.000.000 đồng, ông T góp đến ngày 28/10/2023, góp được 12 ngày, ông T xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 83.333,33 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,417 %/ngày hay 152,083% /năm, cao gấp 7,6 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 10.958,90 đồng/ngày. Tổng số 12 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là $10.958,90 \text{ đồng/ngày} \times 12 \text{ ngày} = 131.507 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 8: $1.000.000 \text{ đồng} - 131.507 \text{ đồng} = 868.493 \text{ đồng}$.

Lần 9: Vào ngày 29/10/2023, với số tiền vay 20.000.000 đồng, ông T góp đến ngày 07/11/2023, góp được 10 ngày, ông T xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 100.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,500 %/ngày hay 182,500% /năm, cao gấp 9,1 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 10.958,90 đồng/ngày. Tổng số 10 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là $10.958,90 \text{ đồng/ngày} \times 10 \text{ ngày} = 109.589 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 9: $1.000.000 \text{ đồng} - 109.589 \text{ đồng} = 890.411 \text{ đồng}$.

Lần 10: Vào ngày 08/11/2023, với số tiền vay 20.000.000 đồng, ông T góp đến ngày 16/11/2023, góp được 09 ngày, ông T xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 11.111,11 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,556%/ngày hay 202,778% /năm, cao gấp 10,1 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 10.958,90 đồng/ngày. Tổng số 09 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là $10.958,90 \text{ đồng/ngày} \times 09 \text{ ngày} = 98.630 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính thứ 10: $1.000.000 \text{ đồng} - 98.630 \text{ đồng} = 901.370 \text{ đồng}$.

Lần 11: Vào ngày 17/11/2023, với số tiền vay 20.000.000 đồng, ông T góp đến ngày 29/11/2023, góp được 13 ngày, ông T xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 76.923,07 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,385%/ngày hay 140,385% /năm, cao gấp 7,1 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 10.958,90 đồng/ngày. Tổng số 13 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là $10.958,90 \text{ đồng/ngày} \times 13 \text{ ngày} = 142.466 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 11: $1.000.000 \text{ đồng} - 142.466 \text{ đồng} = 857.534 \text{ đồng}$.

Lần 12: Vào ngày 30/11/2023, với số tiền vay 20.000.000 đồng, ông T chưa đóng cho bị can kỳ nào. Hiện tại ông T còn nợ bị cáo 20.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ khoảng vay 20.000.000 đồng này đối với ông T là 9.608.218 đồng (Chín triệu sáu trăm lẻ tám ngàn hai trăm mười tám đồng).

Như vậy, trong 03 khoảng vay trên, bị cáo đã thu lợi bất chính đối với ông Phạm Văn T là 14.687.669 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn sáu trăm sáu mươi chín đồng).

Về số tiền mà bị cáo dùng để cho ông T trong 03 khoảng vay trên là 20.000.000 đồng.

4. Cho bà Nguyễn Thị Ánh Đ, sinh ngày 10/10/1972, nơi thường trú: số 98, Độc Lập, khóm 2, phường Q, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Bị cáo cho bà Đ vay tiền hình thức trả góp hàng ngày, với số tiền 30.000.000 đồng, mỗi ngày góp 1.500.000 đồng, góp liên tục 23 ngày. Nếu bà Đ góp đầy đủ hàng ngày thì bị cáo chỉ lấy 22 ngày, còn nếu không góp đầy đủ, gián đoạn thì bị cáo lấy đủ 23 ngày. Cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 26/8/2023, bị cáo cho bà Đ vay 30.000.000 đồng, bà Đ góp đến ngày 05/9/2023, góp được 11 ngày, bà Đ xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 272.727 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,909%/ngày hay 331,818 %/năm, cao gấp 16,6 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 20%/năm, tiền lãi ngày nhà nước cho phép = $(20\%:365 \text{ ngày}) \times 30.000.000 \text{ đồng} = 16.438,36 \text{ đồng/ngày}$. Tổng số 11 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là $16.438,36 \text{ đồng/ngày} \times 11 \text{ ngày} = 180.822 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ nhất: 3.000.000 đồng – 180.822 đồng = 2.819.178 đồng.

Lần 2: Vào ngày 06/9/2023, với số tiền vay 30.000.000 đồng, bà Đ góp đến ngày 12/9/2023, góp được 07 ngày, bà Đ xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 428.571,43 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 1,429%/ngày hay 521,429%/năm, cao gấp 26,1 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 16.438,36 đồng/ngày. Tổng số 7 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là $16.438,36 \text{ đồng/ngày} \times 7 \text{ ngày} = 115.068 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ hai: 3.000.000 đồng – 115.068 đồng = 2.884.932 đồng.

Lần 3: Vào ngày 13/9/2023, với số tiền vay 30.000.000 đồng, bà Đ góp đến ngày 18/9/2023, góp được 06 ngày, bà Đ xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 500.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 1,667%/ngày hay 608,333%/năm, cao gấp 30,4 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 16.438,36 đồng/ngày. Tổng số 6 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là $16.438,36 \text{ đồng/ngày} \times 6 \text{ ngày} = 98.630 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 3: 3.000.000 đồng – 98.630 đồng = 2.901.370 đồng.

Lần 4: Vào ngày 19/9/2023, với số tiền vay 30.000.000 đồng, bà Đ góp đến ngày 25/9/2023, góp được 07 ngày, bà Đ xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 428.571,43 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 1,429%/ngày hay 521,429%/năm, cao gấp 26,1 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 16.438,36 đồng/ngày. Tổng số 6 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là $16.438,36 \text{ đồng/ngày} \times 7 \text{ ngày} = 115.068 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 4: 3.000.000 đồng – 115.068 đồng = 2.884.932 đồng.

Lần 5: Vào ngày 26/9/2023, với số tiền vay 30.000.000 đồng, bà Đ góp đến ngày 03/10/2023, góp được 08 ngày, bà Đ xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất

là 375.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 1,250%/ngày hay 456,250%/năm, cao gấp 22,8 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 16.438,36 đồng/ngày. Tổng số 8 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là $16.438,36 \text{ đồng/ngày} \times 8 \text{ ngày} = 131.507 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 5: $3.000.000 \text{ đồng} - 131.507 \text{ đồng} = 2.868.493 \text{ đồng}$.

Lần 6: Vào ngày 04/10/2023, với số tiền vay 30.000.000 đồng, bà Đ góp đến ngày 09/10/2023, góp được 06 ngày, bà Đ xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 500.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 1,667%/ngày hay 608,333%/năm, cao gấp 30,4 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 16.438,36 đồng/ngày. Tổng số 6 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là $16.438,36 \text{ đồng/ngày} \times 6 \text{ ngày} = 98.630 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 6: $3.000.000 \text{ đồng} - 98.630 \text{ đồng} = 2.901.370 \text{ đồng}$.

Lần 7: Vào ngày 10/10/2023, với số tiền vay 30.000.000 đồng, bà Đ góp đến ngày 17/10/2023, góp được 08 ngày, bà Đ xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 375.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 1,250%/ngày hay 456,250%/năm, cao gấp 22,8 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 16.438,36 đồng/ngày. Tổng số 8 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là $16.438,36 \text{ đồng/ngày} \times 8 \text{ ngày} = 131.507 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 7: $3.000.000 \text{ đồng} - 131.507 \text{ đồng} = 2.868.493 \text{ đồng}$.

Lần 8: Vào ngày 18/10/2023, với số tiền vay 30.000.000 đồng, bà Đ góp đến ngày 19/10/2023, góp được 01 ngày, thì bà Đ ngưng đóng. Hiện tại bà Đ còn thiếu bị cáo 21 ngày góp với số tiền 31.500.000 đồng. Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 136.364 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,454%/ngày hay 165,909%/năm, cao gấp 8,3 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Tiền thu lãi được trong 01 ngày là $3.000.000 \text{ đồng} / 22 \text{ ngày} = 136.364 \text{ đồng}$.

Với lãi suất nhà nước quy định là 16.438 đồng/ngày.

Tiền thu lợi bất chính thứ 8: $136.364 \text{ đồng} - 16.438 \text{ đồng} = 119.925 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc cho bà Đ vay của khoảng vay 30.000.000 đồng là 20.248.692 đồng.

Ngoài ra, bị cáo có cho bà Đ vay với hình thức vay đúng với số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), mỗi ngày đóng lãi 1.000.000 đồng (tức là lãi 20.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày), tương ứng mức lãi suất 2%/ngày hay 730%, cao gấp 36,5 lần mức lãi suất nhà nước cho phép. Từ ngày 15/8/2023 đến ngày 05/10/2023, bà Đ đã đóng lãi cho bị cáo được 51 ngày được số tiền lãi là 51.000.000 đồng (Năm mươi một triệu đồng), sau đó thì bà Đ không trả vốn và lãi cho bị cáo nữa.

Với lãi suất nhà nước quy định là 20%/năm, tiền lãi ngày nhà nước cho phép = $(20\%:365 \text{ ngày}) \times 50.000.000 \text{ đồng} = 27.397,26 \text{ đồng/ngày}$. Tổng số 51 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là $27.397,26 \text{ đồng/ngày} \times 51 \text{ ngày} = 1.397.260 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính: $51.000.000 \text{ đồng} - 1.397.260 \text{ đồng} = 49.602.740 \text{ đồng}$.

Hiện bà Đ còn nợ bị cáo số tiền vay 81.500.000 đồng (tám mươi một triệu năm trăm ngàn đồng).

Như vậy, tổng số tiền bị cáo thu lợi bất chính đối với bà Nguyễn Thị Ánh Đ bao gồm cả các khoản vay góp và vay đứng là 69.851.432 đồng (Sáu mươi chín triệu tám trăm năm mươi một nghìn bốn trăm ba mươi hai đồng).

Với số tiền mà bị cáo dùng để cho bà Đ vay thì cáo chỉ sử dụng số tiền vốn ban đầu là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) của hai khoản vay trên.

5. Cho bà Nguyễn Yến L, sinh ngày 03/9/1977, nơi thường trú: khóm 7, phường Z, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh vay cụ thể như sau:

Đối với số tiền vay 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), mỗi ngày góp 1.000.000 đồng, góp liên tục trong thời gian từ 22 đến 23 ngày (nếu bà L góp đầy đủ thì bị cáo chỉ tính chu kỳ góp là 22 ngày), cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 15/10/2023, bị cáo cho bà L vay 20.000.000 đồng, bà L góp đến ngày 18/10/2023, góp được 04 thì đáo hạn. Bị cáo thu tiền lãi là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 750.000 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 3,75%/ngày hay 1.368,75%/năm, cao gấp 68,4 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 20%/năm, tiền lãi ngày nhà nước cho phép = $(20\%:365 \text{ ngày}) \times 20.000.000 \text{ đồng} = 10.958,90 \text{ đồng/ngày}$. Tổng số 04 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là $10.958,90 \text{ đồng/ngày} \times 4 \text{ ngày} = 43.836 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 1: $3.000.000 \text{ đồng} - 43.836 \text{ đồng} = 2.956.164 \text{ đồng}$

Lần 2: Vào ngày 18/10/2023, vay với số tiền vay mới 20.000.000 đồng, nhưng trong chiều cùng ngày thì bà L trả đủ cho bị cáo 20.000.000 đồng nên bị cáo không lấy lãi.

Đối với số tiền vay 20.000.000 đồng của bà L, bị cáo thu lợi bất chính với số tiền 2.956.164 đồng.

Đối với số tiền vay 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), mỗi ngày góp 500.000 đồng, góp liên tục trong thời gian từ 22 đến 23 ngày, cụ thể:

Lần 1: Vào ngày 20/10/2023, bị cáo cho bà L vay 10.000.000 đồng, bà L góp đến ngày 01/11/2023, góp được 13 ngày, bà Loan xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 115.384,62 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 1,154%/ngày hay 421,154%/năm, cao gấp 21,1 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 20%/năm, tiền lãi ngày nhà nước cho phép = $(20\%:365 \text{ ngày}) \times 10.000.000 \text{ đồng} = 5.479,45 \text{ đồng/ngày}$. Tổng số 13 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là $5.479,45 \text{ đồng/ngày} \times 13 \text{ ngày} = 71.233 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ 1: $1.500.000 \text{ đồng} - 71.233 \text{ đồng} = 1.428.767 \text{ đồng}$

Lần 2: Vào ngày 02/11/2023, với số tiền vay 10.000.000 đồng, bà L góp đến ngày ngày 23/11/2023, góp được 22 ngày, với số tiền là 11.000.000 đồng. Bị cáo thu lãi được 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 45.454,54 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,455 %/ngày hay 165,909% /năm, cao gấp 8,3 lần mức lãi suất nhà nước cho phép.

Với lãi suất nhà nước quy định là 5.479,45 đồng/ngày. Tổng số 22 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là $5.479,45 \text{ đồng/ngày} \times 22 \text{ ngày} = 120.548 \text{ đồng}$.

Tiền thu lợi bất chính lần thứ hai: $1.000.000 \text{ đồng} - 120.548 \text{ đồng} = 879.452 \text{ đồng}$.

Đối với số tiền vay 10.000.000 đồng này, bị cáo đã thu lợi bất chính đối với bà Loan là 2.308.219 đồng (Hai triệu ba trăm lẻ tám nghìn hai trăm mười chín đồng).

Trong 02 khoảng tiền cho bà L vay trên, bị cáo đã thu lợi bất chính 5.264.383 đồng (Năm triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi ba đồng).

Về số tiền mà bị cáo dùng để cho bà L vay, bị cáo chỉ sử dụng số vốn 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Tổng số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã thu của bà Giang Bảo Th, bà Lê Thúy Thùy L, ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị Ánh Đ và bà Nguyễn Yến L là: $10.313.575 \text{ đồng} + 27.858.405 \text{ đồng} + 14.687.669 \text{ đồng} + 69.851.432 \text{ đồng} + 5.264.383 \text{ đồng} = 127.975.464 \text{ đồng}$ (Một trăm hai mươi bảy triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm sáu mươi bốn đồng).

Tổng số tiền mà bị cáo dùng để cho 05 người nêu trên vay là: $160.000.000 \text{ đồng} + 100.000.000 \text{ đồng} + 20.000.000 \text{ đồng} + 80.000.000 \text{ đồng} + 20.000.000 \text{ đồng} = 380.000.000 \text{ đồng}$ (Ba trăm tám mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bị cáo còn cho những người sau vay trả góp, nhưng bị cáo không rõ họ, tên, địa chỉ cụ thể như sau:

1. Cho anh H1 khoảng 47 tuổi (bị cáo không biết họ, tên, địa chỉ cụ thể), anh Hoàng bán trái cây (khóm, mía) dạo gần khu vực phường 7.

Vào khoảng tháng 11/2023 dương lịch, bị cáo cho anh H1 vay 5.000.000 đồng, với hình thức góp mỗi ngày 250.000 đồng, góp trong thời gian 22 ngày. Nếu anh H góp đủ 22 ngày thì tôi lãi được tiền bằng 02 ngày góp, tức là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Tuy nhiên anh H1 từ ngày vay tiền đến nay thì không có góp tiền cho bị cáo.

2. Cho chị H2 khoảng 46 tuổi (bị cáo không biết họ, tên, địa chỉ cụ thể), chị Hà bán trái cây dạo (cam) gần khu vực phường 7.

Vào khoảng tháng 11/2023 dương lịch, bị cáo cho chị H2 vay 3.000.000 đồng, với hình thức góp mỗi ngày 150.000 đồng, góp trong thời gian 21 ngày. Nếu chị H2 góp đủ 21 ngày thì bị cáo lãi được tiền bằng 01 ngày góp, tức là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Tuy nhiên chị H2 từ ngày vay tiền đến nay thì không có góp tiền cho bị cáo.

3. Cho dì H3 khoảng 55 tuổi (bị cáo không biết họ, tên, địa chỉ cụ thể), nghề nghiệp làm thuê, thường xuất hiện ở khu vực trường học Hướng Dương, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Vào khoảng tháng 11/2023 dương lịch, bị cáo cho dì H3 vay 3.000.000 đồng, với hình thức góp mỗi ngày 150.000 đồng, góp trong thời gian 21 ngày. Nếu dì H3 góp đủ 21 ngày thì bị cáo lãi được tiền bằng 01 ngày góp, tức là 150.000 đồng (một trăm năm nghìn đồng). Từ ngày dì H3 vay tiền đến nay thì không có góp tiền cho bị cáo.

Tổng số tiền mà bị cáo dùng để cho anh H1, chị H2 và dì H3 vay là 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

4. Vào ngày 07/7/2023, bị cáo cho ông Phạm Văn T vay 10.000.000 đồng, ông T góp đến ngày 25/7/2023 dương lịch, góp được 19 ngày, ông T xin đáo hạn lại. Bị cáo thu tiền lãi là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Với số tiền lãi này, bị cáo đã thu với mức lãi suất là 26.315,79 đồng/ngày, tương ứng mức lãi suất 0,263 %/ngày hay 96,053%/năm, cao hơn mức lãi suất ngân hàng quy định gấp 4,8 lần.

Với lãi suất nhà nước quy định là 20%/năm, tiền lãi ngày nhà nước cho phép = $(20\%:365 \text{ ngày}) \times 10.000.000 \text{ đồng} = 5.479,45 \text{ đồng/ngày}$. Tổng số 19 ngày thì tiền lãi nhà nước cho phép là $5.479,45 \text{ đồng/ngày} \times 19 \text{ ngày} = 104.110 \text{ đồng}$.

Về vật chứng: Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh đang tạm giữ:

- 01 (một) quyển sổ có bìa, màu trắng, có dòng chữ “THE BICYCLE” trên đầu bìa sổ; trong sổ có 33 trang có ghi tên, các con số, ngày tháng (lịch âm), có chữ ký xác nhận của Lâm Văn Cảnh trên từng trang.

- 01 (một) quyển sổ có bìa, màu xanh, có dòng chữ “Ttbook” ở góc trên bên phải bìa sổ và dòng chữ “FRIENDSHIP” màu hồng; trong sổ có 26 trang bị xé rách và 06 trang có ghi tên, các con số và ngày tháng, có chữ ký xác nhận của Lâm Văn Cảnh trên từng trang;

- 01 (một) quyển sổ không có bìa; trong sổ có 05 trang phía trước và 08 trang phía sau có ghi tên, các con số và ngày tháng (âm lịch), có chữ ký xác nhận của Lâm Văn Cảnh trên từng trang;

- Tiền Việt Nam: 144.500.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) (được niêm phong).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 ProMax, màu vàng, máy đã qua sử dụng.

Đối với những người vay tiền của bị cáo không rõ họ tên và địa chỉ nên không làm việc được, với lại bị cáo cũng không có thu tiền lãi do đó không xem xét xử lý bị cáo về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với những người trên.

Tại bản cáo trạng số: 33/CT-VKS-HS ngày 12/4/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đã truy tố Lâm Văn C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo Lâm Văn C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” như bản cáo trạng đã nêu. Sau khi phân tích, đánh giá các tình tiết, chứng cứ của vụ án và nhân thân của bị cáo. Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 2 Điều 201; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lâm Văn C từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Buộc bị cáo trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Ánh Đ 69.851.432 đồng, bà Giang Bảo Th 10.193.649 đồng, bà Lê Thúy Thùy L 27.858.405 đồng, ông Phạm Văn T 14.687.669 đồng, bà Nguyễn Yến L 5.264.383 đồng và buộc bị cáo nộp 152.500.000 đồng tiền bị cáo cho vay và 7.808.219 đồng tiền thu lãi có được sung vào ngân sách Nhà nước và nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Ánh Đ nộp lại 81.500.000 đồng, bà Giang Bảo Th nộp lại 26.000.000 đồng, bà Lê Thị Thúy L nộp lại 100.000.000 đồng, ông Phạm Văn T nộp lại 20.000.000 đồng tiền vay của bị cáo sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị H 144.500.000 đồng tiền Việt Nam và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 ProMax, màu vàng, máy đã qua sử dụng.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Trà Vinh, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lâm Văn C đã khai nhận: Trong thời gian từ ngày 12/01/2023 đến ngày 30/11/2023, tại khóm 7, phường Z, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh bị cáo Lâm Văn C có hành vi cho bà Giang Bảo Th, bà Lê Thị Thùy L, ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị Ánh Đ và bà Nguyễn Yến L vay tiền với lãi suất cao hơn mức quy định trong Bộ luật dân sự từ 5,3 lần, tương đương mức lãi suất 107,353%/năm đến 68,4 lần, tương đương mức lãi suất 1.368,75%/năm. Trong các lần cho vay, bị cáo thu lợi bất chính tổng số tiền 127.855.538 đồng (Một trăm hai mươi bảy triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm ba mươi tám đồng).

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lâm Văn C đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Như Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét thấy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh truy tố bị cáo Lâm Văn C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[4] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo cho vay với mức lãi suất vượt gấp 5,3 lần trở lên so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (107,353%/năm so với mức lãi suất cao nhất cho phép là 20%/năm) thu lợi bất chính 127.855.538 đồng. Hành vi của bị cáo đã gây khó khăn về kinh tế cũng như khả năng chi trả của người vay, dẫn đến người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn, nợ nần chồng chất. Do đó, cần xử lý nghiêm đối với bị cáo để răn đe phòng ngừa chung.

Tuy nhiên; bị cáo mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Mặt khác, bị cáo hiện đang bị bệnh thoái hóa đốt sống cổ. Nghĩ nên xem đây là những tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị Ánh Đ, bà Giang Bảo Th, bà Lê Thúy Thùy L, ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Yến L yêu cầu bị cáo trả lại số tiền lãi vượt so với mức lãi suất cao nhất cho phép là 20%/năm. Xét thấy đây là yêu cầu chính đáng cần được chấp nhận nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị H xin được nhận lại số tiền 144.500.000 đồng vì không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Về vật chứng: - 01 (một) quyển sổ có bìa, màu trắng, có dòng chữ “THE BICYCLE” trên đầu bìa sổ; trong sổ có 33 trang có ghi tên, các con số, ngày tháng (lịch âm), có chữ ký xác nhận của Lâm Văn C trên từng trang.

- 01 (một) quyển sổ có bìa, màu xanh, có dòng chữ “Ttbook” ở góc trên bên phải bìa sổ và dòng chữ “FRIENDSHIP” màu hồng; trong sổ có 26 trang bị xé rách

và 06 trang có ghi tên, các con số và ngày tháng, có chữ ký xác nhận của Lâm Văn C trên từng trang;

- 01 (một) quyển sổ không có bìa; trong sổ có 05 trang phía trước và 08 trang phía sau có ghi tên, các con số và ngày tháng (âm lịch), có chữ ký xác nhận của Lâm Văn C trên từng trang;

- Tiền Việt Nam: 144.500.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) (được niêm phong).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 ProMax, màu vàng, máy đã qua sử dụng.

Nghĩ nên tịch thu lưu hồ sơ vụ án và trả lại cho bị cáo cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lâm Văn C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; khoản 5 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Lâm Văn C 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/12/2023.

Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa hôm nay.

Buộc bị cáo Lâm Văn C nộp 152.500.000 đồng (một trăm năm mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng) tiền cho vay và 7.808.219 đồng (bảy triệu tám trăm lẻ tám nghìn hai trăm mười chín đồng) tiền lãi thu được từ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ: Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 123, Điều 131, Điều 468 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Lâm Văn C trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh Đ 69.851.432 đồng (sáu mươi chín triệu, tám trăm năm mươi một nghìn, bốn trăm ba mươi hai đồng), bà Giang Bảo Th 10.193.649 đồng (mười triệu một trăm chín mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi chín đồng), bà Lê Thúy Thùy L 27.858.405 đồng (hai mươi bảy triệu, tám trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm lẻ năm đồng), ông Phạm Văn T 14.687.669 đồng (mười bốn triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi chín đồng), bà Nguyễn Yến L 5.264.383 đồng (năm triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi ba đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Ánh Đ nộp lại 81.500.000 đồng (tám mươi một triệu năm trăm nghìn đồng), bà Giang Bảo Th nộp lại 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu

đồng), bà Lê Thúy Thùy L nộp lại 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), ông Phạm Văn T nộp lại 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền vay của bị cáo sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ: Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu lưu hồ sơ.

- 01 (một) quyển sổ có bìa, màu trắng, có dòng chữ “THE BICYCLE” trên đầu bìa sổ; trong sổ có 33 trang có ghi tên, các con số, ngày tháng (lịch âm), có chữ ký xác nhận của Lâm Văn C trên từng trang.

- 01 (một) quyển sổ có bìa, màu xanh, có dòng chữ “Ttbook” ở góc trên bên phải bìa sổ và dòng chữ “FRIENDSHIP” màu hồng; trong sổ có 26 trang bị xé rách và 06 trang có ghi tên, các con số và ngày tháng, có chữ ký xác nhận của Lâm Văn C trên từng trang;

- 01 (một) quyển sổ không có bìa; trong sổ có 05 trang phía trước và 08 trang phía sau có ghi tên, các con số và ngày tháng (âm lịch), có chữ ký xác nhận của Lâm Văn C trên từng trang;

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị H tiền Việt Nam: 144.500.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 ProMax, màu vàng, máy đã qua sử dụng.

Căn cứ: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Lâm Văn C nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xử công khai; báo cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TPTV;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Nhà tạm giữ CA TP.Trà Vinh;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thanh S